

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2018/HSST**
Ngày 30-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2018/TL - HSST ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn K, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Lê N, sinh năm 1968; vợ: Huỳnh H, sinh năm 1989; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, thời hạn áp dụng từ 28/2/2018 đến 28/5/2018 và bị áp dụng Quyết định tạm hoãn xuất cảnh, thời hạn áp dụng từ 28/2/2018 đến 28/5/2018; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Trần M, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 127, tổ 5, khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Q, sinh năm 1976; Số 127, tổ 5, khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Trịnh B, sinh năm 1972; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn B, sinh năm 1972; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Ông Trần P, sinh năm 1983; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương; có mặt.

6. Bà Trần V, sinh năm 1984; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông Đỗ T, sinh năm 1992; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Công ty TNHH K; địa chỉ trụ sở: Ấp L, xã H, huyện G, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K: Ông Nguyễn T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 818/56B, đường L, phường 3, quận V, Thành phố M. Chức danh: Chủ tịch Công ty; là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn T1: Ông Đào V, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 4, đường số 2, tổ 5, khu phố 8, phường T, quận Đ, Thành Phố M; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 02 tháng 01 năm 2018); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; địa chỉ trụ sở: Số 171, đường T, khu phố 2, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M: Ông Lê T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 21I, phường D, thành phố D, tỉnh Đồng Nai. Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty; là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê T: Ông Lê T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 6, đường K, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 30 tháng 7 năm 2018); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn K được Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép lái xe hạng FC số 790138029386 ngày 10 tháng 12 năm 2015, giấy phép lái xe có giá trị đến ngày 10 tháng 12 năm 2020.

Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 25 tháng 12 năm 2017, Nguyễn K trực tiếp điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86 kéo theo Rơ-môóc biển số 60R – 0995 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M lưu thông trên đường DT741 theo hướng từ ngã tư S đến phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương. K điều khiển xe lưu thông đến đoạn đường DT741 thuộc khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương chạy lấn sang làn đường xe mô tô và làn đường dành cho người đi bộ bên phải, sau đó va chạm vào một trụ điện chiếu sáng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M. Một thành viên K, chồng nhà vợ chồng bà Trần M, ông Phạm Q, cửa tiệm bán phở của ông Đỗ T, cửa tiệm bán chim cảnh của vợ chồng ông Trần P, bà Trần V và cửa tiệm bán tạp hóa của vợ chồng ông Trịnh B, bà Nguyễn B. Tai nạn xảy ra đã làm thiệt hại về tài sản của các hộ dân nêu trên.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 26 tháng 12 năm 2017, thể hiện:

- Hiện trường là đoạn đường thẳng, 2 chiều được rải nhựa bằng phẳng, mỗi chiều đường có vạch kẻ đường phân làn đường theo từng loại xe, tầm nhìn của lái xe không bị che khuất, chiều rộng mặt đường là 9 m 60 cm, làn đường ô tô tải 3 m 60 cm, làn đường mô tô 2 m 40 cm.

- Lấy trụ điện số 118 nằm trong lề đường bên phải đến trục sau bên phải Rơ-môóc để xác định điểm mốc là 22 m 50 cm.

- Lấy mép đường bên phải nơi xảy ra tai nạn giao thông để làm chuẩn (hướng từ Sở Sao đến phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương).

- Trụ đèn chiếu sáng nằm trong lề đường bên phải cách mép đường bên phải là 2 m.

- Xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86 kéo theo Rơ-môóc biển số 60R – 0995 dừng trong lề đường, đầu xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86 dừng trong tiệm tạp hóa Bình Quân do ông Trịnh B làm chủ, Rơ-môóc biển số 60R – 0995 dừng trong 02 căn Kiốt của bà Trần M đang cho ông Đỗ T, vợ chồng ông Trần P thuê.

- Trục trước bên trái xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86 cách mép đường bên phải 10 m 20 cm, trục sau bên trái cách mép đường bên phải 9 m 30 cm.

- Trục sau cùng bên trái Rơ-môóc biển số 60R – 0995 cách mép đường bên phải 5 m 60 cm. Trục sau bên trái Rơ-môóc đến góc trụ đèn chiếu sáng bị gãy là 24 m 50 cm. Trục sau bên phải Rơ-môóc đến trụ điện số 118 là 22 m 50 cm.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 26 tháng 12 năm 2018, thể hiện: Xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86 kéo theo Rơ-môóc biển số 60R – 0995 có các dấu vết sau: Xây xát nóc cabin; bể kính chắn gió; bể nắp capo; bể góc cản trước bên phải; bể đèn chiếu

sáng bên phải; mốp thụng kết nước; bề mặt nạ xi; xây xát biển số; bề kính hậu trái.

Tại Biên bản xác định thiệt hại ngày 26 tháng 12 năm 2017, thể hiện:

- Tài sản thiệt hại của cửa tiệm bán tạp hóa do vợ chồng ông Trịnh Đình Bình, bà Nguyễn B làm chủ, gồm:

+ 01 Nhà cấp 4, kết cấu: Tường gạch xây tô, nền gạch ceramic, mái tole, xà gỗ sắt, la phong nhựa, diện tích 100 m²;

+ 02 cửa cuốn nhôm, khối lượng 60 m²;

+ 01 bảng quảng cáo khung sắt bít tole, khối lượng 6 m²;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 790, màu đen;

+ 01 xe mô tô biển số 61E1 – 174.62 hư hỏng: Bể dè trước; gãy kính hậu bên trái; bề cánh bửng bên trái; mốp ống xả.

- Tài sản thiệt hại của 01 công nhà, công trình xây dựng 02 Kiốt của vợ chồng bà Trần M cho ông Trần P thuê bán chim cảnh, cho ông Đỗ T thuê bán phở, gồm:

+ 01 tường gạch xây tô kiên cố ốp đá có khung sắt, khối lượng 1,5 m x 7 m = 10,50 m²;

+ 01 mái che tole, cột kéo sắt, khối lượng 94 m²;

+ 02 cửa sắt cuốn, khối lượng 4,5m x 4,5m = 20,25 m²;

+ 01 mái che di động dài 5,8 m ;

+ 01 nền gạch bông, khối lượng 30 m² ;

+ 01 tường gạch xây tô 20 có dán gạch, khối lượng 48 m² ;

- Tài sản thiệt hại của vợ chồng ông Trần P, bà Trần V, gồm:

+ 01 xe mô tô biển số 37D1 – 769.88 hư hỏng: Bề mặt nạ trước; bề yếm bửng bên trái, phải; bề đèn chiếu sáng; bề đèn xi nhan bên trái, phải; cong 2 ống phuộc; gãy kính chiếu hậu bên trái; bề mũ lườn ốp chân; bề cách quạt lốc máy bên trái; bề mũ ốp ống xả; cong ống sườn qua trái;

+ 01 tủ nhôm kính rộng 0,5m, khối lượng 6 m²;

+ 60 cần câu nhựa tổng hợp các loại;

+ 38 máy quay bằng tay câu cá các loại;

+ 04 cây bẫy chim bằng inox;

+ 02 kệ gỗ đựng cần câu;

+ 05 kệ sắt đựng lồng chim;

+ 05 tấm lưới bằng kim loại;

+ 01 hệ thống camera Zivio;

- + 126 lồng chim các loại.
- Tài sản thiệt hại của ông Đỗ T, gồm:
 - + 01 hộp đèn quảng cáo 1,5 m²;
 - + 02 bảng quảng cáo bằng bạt khung nhôm, khối lượng 5,6 m²;
- Tài sản thiệt hại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K, gồm:
 - + 01 trụ đèn chiếu sáng.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã C, tỉnh Bình Dương, kết luận:

- Tài sản thiệt hại của ông Trịnh B và bà Nguyễn B trị giá 188.300.000 đồng;
- Tài sản thiệt hại của bà Trần M và ông Phạm Q trị giá 126.712.500 đồng;
- Tài sản thiệt hại của ông Trần P và bà Trần V trị giá 158.500.000 đồng;
- Tài sản thiệt hại của ông Đỗ T trị giá 3.850.000 đồng;
- Tài sản thiệt hại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K trị giá 20.089.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 497.451.500 đồng.

Tài sản bị thu giữ đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu gồm: 01 xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86; 01 Romóoc biển số 60R – 0995 đã trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; 01 xe mô tô biển số 37D1 – 769.88 đã trả lại vợ chồng ông Trần P, bà Trần V; 01 xe mô tô biển số 61E1 – 174.62 đã trả lại cho ông Trịnh B, bà Nguyễn B. Riêng đối với xe mô tô biển số 37Z7 – 4222 thuộc sở hữu của ông Trần P, bà Trần V, do xe bị hư hỏng hoàn toàn, không còn giá trị sử dụng, ông P, bà V được Nguyễn K và Công ty Trách nhiệm bồi thường toàn bộ trị giá xe theo Kết luận định giá, nên trong quá trình điều tra, ông P, bà V đã đồng ý giao xe mô tô biển số 37Z7 – 4222 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

Về trách nhiệm dân sự:

Nguyễn K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M đã liên đới bồi thường cho vợ chồng ông Trịnh B, bà Nguyễn B số tiền 188.300.000 đồng; vợ chồng bà Trần M, ông Phạm Q số tiền 116.700.000 đồng; vợ chồng ông Trần P, bà Trần V số tiền 158.500.000 đồng; ông Đỗ T số tiền 3.850.000 đồng; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K số tiền 20.089.000 đồng, tổng cộng là 487.439.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M còn hỗ trợ cho vợ chồng ông Trịnh B, bà Nguyễn B số tiền 100.000.000 đồng; vợ chồng bà Trần M, ông Phạm Q số tiền 5.800.000 đồng; vợ chồng ông Trần P, bà Trần V số tiền 125.000.000 đồng; ông Đỗ T số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng số tiền hỗ trợ là: 250.800.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu Nguyễn T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 95/CT – VKSBC ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố Nguyễn K về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn K đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt Nguyễn K từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Ghi nhận các bị hại ông Trịnh B, bà Nguyễn B, bà M, ông Phạm Q, ông Trần P, bà Trần V, ông Đỗ T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K đã được Nguyễn K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Các tài sản thu giữ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; vợ chồng ông Trần P, bà Trần V, ông Trịnh B, bà Nguyễn B, gồm: 01 xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86; 01 Romóoc biển số 60R – 0995; 01 xe mô tô biển số 37D1 – 769.88; 01 xe mô tô biển số 61E1 – 174.62; 01 xe mô tô biển số 37Z7 – 4222; trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã C đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đặt ra xử lý.

Trong quá trình điều tra; tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện:

- Lời khai của bị cáo Nguyễn K: Bị cáo thống nhất hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Đối với Kết luận định giá tại Biên bản định giá ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì. Đối với xe mô tô biển số 37Z7 – 4222 thuộc sở hữu của ông Trần P, bà Trần V; mặc dù, tiền bồi thường xe là do bị cáo và Công ty M cùng liên đới bồi thường; tuy nhiên bị cáo hoàn toàn thống nhất việc giao xe cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, bị cáo không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Lời khai của các bị hại, ông Trịnh B, bà Nguyễn B, bà Trần M, ông Phạm Q, ông Trần P, bà Trần V, ông Đỗ T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K: Các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với Kết luận định giá tại Biên bản định giá ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá

trong tổ tụng hình sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Về trách nhiệm dân sự, các bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại và tiền hỗ trợ thêm từ bị cáo K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, trong đó: Ông B, bà B đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại là 188.300.000 đồng, tiền hỗ trợ 100.000.000 đồng; bà M, ông Q đã nhận tiền bồi thường thiệt hại 116.700.000 đồng, tiền hỗ trợ 5.800.000 đồng; ông P, bà V đã nhận tiền bồi thường thiệt hại 158.500.000 đồng, tiền hỗ trợ 125.000.000 đồng; ông T đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại là 3.850.000 đồng, tiền hỗ trợ 20.000.000 đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K đã nhận tiền bồi thường thiệt hại 20.089.000 đồng, nên không yêu cầu bị cáo, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường thiệt hại và bà M, ông Q cũng không yêu cầu bị cáo và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường số tiền còn lại theo Kết luận định giá là 10.012.500 đồng. Đồng thời, tất cả các bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đối với xe mô tô biển số 37Z7 – 4222 thuộc sở hữu của ông Trần P, bà Trần V, tại phiên tòa, ông P khai nhận do xe bị hư hỏng hoàn toàn, không còn giá trị sử dụng, vợ chồng ông được Nguyễn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường toàn bộ trị giá xe theo Kết luận định giá, nên trong quá trình điều tra, ông P, bà V đã đồng ý giao xe mô tô biển số 37Z7 – 4222 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M: Sau khi bị cáo gây tai nạn và gây ra thiệt hại cho các bị hại, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M và bị cáo K đã liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền 487.439.000 đồng và tự nguyện hỗ trợ thêm cho các bị hại số tiền 250.800.000 đồng. Tài sản thu giữ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M gồm 01 xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86; 01 Romóoc biển số 60R – 0995, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M đã nhận lại nên không có yêu cầu gì. Đối với xe mô tô biển số 37Z7 – 4222, trong quá trình điều tra, ông P, bà V đã tự nguyện giao xe này lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M cũng đã đồng ý nhận xe theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 06 tháng 3 năm 2018, Công ty không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ để các bị cáo có cơ hội trở lại xã hội, lao động và thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã C, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại đoạn đường DT741 thuộc khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương, Nguyễn K có hành vi điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86 kéo theo Rơ-môóc biển số 60R – 0995 chạy lần qua làn đường xe mô tô và phần đường dành cho người đi bộ bên phải và va chạm vào một trụ điện chiếu sáng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K, công nhân vợ chồng bà Trần M, ông Phạm Q, cửa tiệm bán phở của ông Đỗ T, cửa tiệm bán chim cảnh của vợ chồng ông Trần P, bà Trần V và cửa tiệm bán tạp hóa của vợ chồng ông Trịnh B, bà Nguyễn B với tổng giá trị bị thiệt hại theo Biên bản định giá ngày 05 tháng 01 năm 2018 là 497.451.500 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông, Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, Kết luận định giá tài sản ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã C, tỉnh Bình Dương, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C. Hành vi của bị cáo T đã vi phạm quy tắc giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, xâm đến an toàn công cộng, gây hậu quả nghiêm trọng về tài sản, thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2013 ngày 28 tháng 8 năm 2013 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm trật tự, an toàn xã hội.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn K đã phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính chất: Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả nghiêm trọng về tài sản của Công ty K, bà Trần M, ông Phạm Q, ông Đỗ T, ông Trần P, bà Trần V, ông Trịnh B, bà Nguyễn B; hậu quả này hoàn toàn do lỗi của bị cáo K nên cần có hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại và các bị hại đều có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện liên đới cùng Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường thiệt hại cho các bị hại, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đó là, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, cũng đủ khả năng để bị cáo tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn K từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù, cho hưởng án treo; xét mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Các bị hại ông Trịnh B, bà Nguyễn B, bà Trần M, ông Phạm Q, ông Trần P, bà Trần V, ông Đỗ T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K đã được Nguyễn K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 487.439.000 đồng và được hỗ trợ thêm số tiền 250.800.000 đồng, nên không yêu cầu bị cáo và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường thiệt hại; bà Mi, ông Q cũng không yêu cầu bị cáo và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường số tiền còn lại theo Kết luận định giá là 10.012.500 đồng, nên cần ghi nhận.

- Các tài sản thu giữ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; vợ chồng ông Trần P, bà Trần V, ông Trịnh B, bà Nguyễn B, gồm: 01 xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86; 01 Romóoc biển số 60R – 0995; 01 xe mô tô biển số 37D1 – 769.88; 01 xe mô tô biển số 61E1 – 174.62; trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã C đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đặt ra xử lý.

- Đối với xe mô tô biển số 37Z7 – 4222 thuộc sở hữu của ông Trần P, bà Trần V. Xét thấy, tại phiên tòa, ông P, bị cáo K, người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M khai nhận do xe bị hư hỏng hoàn toàn, không còn giá trị sử dụng, ông P và bà V đã được bị cáo K, Công ty Trách nhiệm M bồi thường toàn bộ trị giá xe theo Kết luận định giá, nên trong quá trình điều tra, ông P, bà V đã đồng ý giao xe mô tô biển số 37Z7 – 4222 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 06 tháng 3

năm 2018; Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; ông P, bà V, bị cáo, không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn K phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn K: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn K cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Ghi nhận các bị hại ông Trịnh B, bà Nguyễn B, bà Trần M, ông Phạm Q, ông Trần P, bà Trần V, ông Đỗ T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K đã được bị cáo Nguyễn K, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 487.439.000 đồng và được hỗ trợ thêm số tiền 250.800.000 đồng. Các bị hại không có yêu cầu bị cáo Nguyễn K, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M bồi thường thiệt hại gì thêm.

- Các tài sản thu giữ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; vợ chồng ông Trần P, bà Trần V, ông Trịnh B, bà Nguyễn B, gồm: 01 xe ô tô đầu kéo biển số 60C – 263.86; 01 Romóoc biển số 60R – 0995; 01 xe mô tô biển số 37D1 – 769.88; 01 xe mô tô biển số 61E1 – 174.62; trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã C đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đặt ra xử lý.

- Đối với xe mô tô biển số 37Z7 – 4222 thuộc sở hữu của ông Trần P, bà Trần V; trong quá trình điều tra, giữa ông P, bà V với bị cáo, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M thỏa thuận giao xe cho Công ty Trách nhiệm M và Công ty

Trách nhiệm hữu hạn M đã nhận xe theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 06 tháng 3 năm 2018. Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, bị cáo Nguyễn K, ông Trần P, bà Trần V không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn K; bị hại Trần P, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại bà Trần M, ông Phạm Q, ông Trịnh B, bà Nguyễn B, ông Đỗ T, bà Trần V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- CQĐT CA thị xã C;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng